TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HSST
Ngày: 20/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Đình Phương

Bà Lương Thị Oanh

-***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Hồng Giang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sinh, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2018/HSST ngày 07 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HS ngày 05/3/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. Tại Đ. Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện Y, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Giúp việc gia đình. Trình độ văn hóa: 2/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ. Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2; chồng: Trần Văn M. Con có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1999. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/11/2017 đến ngày 22/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh. Có mặt.

Bị hại: Bà **Phạm Thị T3,** sinh năm 1964, trú tại: Số nhà 04, ngách 2/61, đường X, phố N, phường P, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần Văn M, sinh năm 1969 trú tại: thôn T, xã E, huyện Y, tỉnh Đ. Có mặt.

2. Anh Trần Xuân C, sinh năm 1994, trú tại: Thôn T, xã E, huyện Y, tỉnh Đ. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Ngô Thị Luyên, sinh năm 1969; trú tại số nhà 16, đường Vân Giang, phố 12, phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1972, trú tại thôn T, xã E, huyện Y, tỉnh Đ đến ở và giúp việc cho gia đình bà Phạm Thị T3 sinh năm 1964, trú tại số nhà 04, ngách 2/61, đường

X, phố N, phường P, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình từ ngày 24/10/2017. Khoảng 9 giờ ngày 14/11/2017, trong khi dọn phòng ngủ tại tầng 1, T phát hiện thấy chị T3 để chùm chìa khóa trong túi bóng trên bàn cạnh tủ quần áo nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lợi dụng bà T3 đang cúng lễ ở tầng 2, T lấy chùm chìa khóa dùng chìa khóa két sắt tra vào ổ khóa vặn theo chiều kim đồng hồ, vì két sắt không khóa mã nên T cầm tay nắm kéo ra, thấy ngăn thứ hai để 01 túi giấy màu xanh bên trong có hai buộc tiền loại mệnh giá 500.000đồng, được buộc chung hai đầu bằng dây cao su. T rút ra một buộc gồm 10 tập nhỏ bỏ vào trong túi áo bên phải áo chống nắng đang mặc rồi bỏ túi giấy vào trong két, khóa két sắt cất chùm chìa khóa vào vị trí cũ. Sau đó T vào nhà vệ sinh kiểm đếm được số tiền là 100.000.000đồng. Để không bị lộ, T chia số tiền trên ra hai phần bỏ vào hai túi áo chống nắng. Ngày 16/11/2017, T sử dụng số tiền 17.180.000đồng trong số tiền trộm cắp được mua một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave mầu trắng đen bạc tại Công ty xe máy Thắng Luyên cho Trần Xuân C là con trai của T làm phương tiện đi lại và cho C 4.000.000đồng, đưa cho ông Trần Văn M sinh năm 1969, là chồng của T số tiền 32.400.000đồng nói là tiền lương bà T3 trả và tiền của khách cho để trả nợ, T tiêu sài cá nhân hết 36.420.000đồng, còn lại là 10.000.000đồng.

Sau khi phát hiện mất tài sản ngày 23/11/2017, bà T3 đã trình báo đến Công an phường P, thành phố Ninh Bình. Tại Công an phường P, T đã khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo đã tự giác giao nộp số tiền 50.000.000đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave mầu trắng đen bạc BKS 18D1-46383 cùng giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị T, 01 áo chống nắng màu đỏ đen.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thị T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 05/02/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e, khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 138, điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự 1999 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện Y, tỉnh Đ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 áo chống nắng của bị cáo do sử dụng vào việc phạm tội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã thể hiện hành vi của

bị cáo Nguyễn Thị T như sau: Khoảng 10 giờ ngày 14/11/2017 tại nhà bà Phạm Thị T3 ở số nhà 04, ngách 2/61, đường X, phố N, phường P, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Nguyễn Thị T là người giúp việc trong gia đình bà T3 đã lợi dụng sơ hở của bà T3 không để ý, đã lén lút mở khóa két sắt (két không khóa bằng mã khóa) chiếm đoạt số tiền 100.000.000đồng.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

[2]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được Luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội do vậy cần phải xử phạt bị cáo nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo cụ thể sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự giác giao nộp, khắc phục hậu quả đối với tài sản đã chiếm đoạt, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt xin cho bị cáo cải tạo tại địa phương. Bản thân bị cáo đã có gia đình, có nơi cư trú rõ ràng, là người phạm tội lần đầu, việc phạm tội của bị cáo là hành động mang tính bột phát, ở địa phương gia đình bị cáo nghiêm chỉnh chấp hành đường lối chính sách pháp luật của Nhà nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Từ những tình tiết trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho Chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách là cũng có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[3].Đối với ông Trần Văn M là người đã nhận của bị cáo số tiền 32.400.000đồng; Trần Văn C là người được T mua cho chiếc xe mô tô và nhận của T số tiền 4.000.000đồng. Sau khi được biết tài sản do T trộm cắp, ông M đã tự nguyện giao nộp cho bà T3 30.000.000đồng và tích cực cùng T khắc phục hậu quả, anh C đã trả lại xe mô tô và trả tiền cho bị cáo T để bị cáo bồi thường thiệt hại. Ông M và anh C đều không biết tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có nên ông M và anh C không phạm tội.

[4].Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bà Phạm Thị T3 đã nhận số tiền tổng cộng là 80.000.000đồng và tự nguyện nhận 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave mầu trắng đen bạc BKS 18D1-46383 cùng giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị T để đối trừ vào số tiền 20.000.000đồng và không có yêu cầu bồi thường gì nữa nên vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[5].Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy chiếc áo chống nắng của bị cáo do đã sử dụng vào việc phạm tội.

[6]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[7].Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

[8].Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự 1999.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "**Trộm cắp tài sản**".

Xử phạt Nguyễn Thị T 30 (*Ba mươi*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 (*Sáu mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện Y, tỉnh Đ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát giao dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy chiếc áo chống nắng của bị cáo Nguyễn Thị T

(Vật chứng có đặc điểm theo như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 2 năm 2018 giữa Công an Thành phố Ninh Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000^{đ} (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Bích Thủy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình (01 bản);
- VKSND thành phố Ninh Bình (02 bản);
- Công an thành phố Ninh Bình (01 bản);
- Chi cục THA. DS thành phố Ninh Bình (01 bản);
- Thi hành án HS (01 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Người bị hại (01 bản);Người QLNVLQ đến vụ án
- Lưu hồ sơ (02 bản);
- Lưu VP (01 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).